

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 540/2024/DS-PT

Ngày: 30/12/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Hồng Dung**

- *Các thẩm phán:* Bà **Võ Bích Hải**

Bà **Phan Thị Tuyết Mai**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Văn Ban** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông **Lâm Thành Them** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 và 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 320/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024.

Do Bản án số 85/2024/DSST ngày 26, 27/6/2024 của TAND huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ có kháng cáo, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (MB).**

Trụ sở chính: 18 L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lưu Trung T** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân đại diện theo uỷ quyền: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Q1 và Khai thác tài sản - Ngân hàng thương mại Cổ phần Q.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Vạn P** (vắng mặt)

Ông **Trần Quyết T1** (có mặt)

Cùng địa chỉ: tầng C tòa nhà M, số G V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (văn bản Uỷ quyền số 1255 ngày 22/12/2023).

* *Bị đơn:* bà **Nguyễn Thị Nguyệt H**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn:

- Bà **Đỗ Thị Thanh H1**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: B M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Lê Thị Như N**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: C chung cư B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Nguyễn Tài Đức M**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: A Chung cư T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

(giấy Ủy quyền số 1237 ngày 02/4/2024).

Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Nguyệt H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2023 và tại bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 29/09/2021, bà Nguyễn Thị Nguyệt H và Ngân hàng TMCP Q (M1) - chi nhánh C đã cùng ký kết Hợp Đồng Tín dụng số 170474.21.455.14086098.TD; Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng cùng các khế ước nhận nợ và phía ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H số tiền vay theo hợp đồng tín dụng là 15.000.000.000 đồng, trong đó số tiền vay 10.000.000.000 đồng ngày nhận nợ là 06/4/2022, ngày đến hạn là 06/01/2023 và số tiền vay 5.000.000.000 đồng ngày nhận nợ là 06/4/2022, ngày đến hạn là 07/01/2023.

Cùng với khoản vay trên thì phía ngân hàng có phát hành Thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H vào ngày 05/11/2011 với số tiền là 30.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, thì bà H có ký kết thế chấp tài sản của bà cho phía Ngân hàng với các tài sản thế chấp như sau:

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 240 và Thửa 245 tờ bản đồ số 07, diện tích 5198m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số R 297356, số vào sổ 00775 QSDĐ/... do UBND huyện Ô, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện T, TP .) cấp ngày 09/10/2000; cập nhật thửa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 241 tờ bản đồ số 07, diện tích 2857m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số R 592713, số vào sổ 03496 QSDĐ/... do UBND huyện Ô, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện T, TP .) cấp ngày 02/02/2001; cập nhật thửa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công

chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 242 và Thửa 755 tờ bản đồ số 07, diện tích 5265m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số W 186861, số vào sổ 00036 QSDĐ/... do UBND huyện Ô, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện T, TP .) cấp ngày 16/10/2002; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 828 tờ bản đồ số 07, diện tích 408,2m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AD 900798, số vào sổ H01094 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 10/07/2006; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 779 tờ bản đồ số 07, diện tích 585m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AG 644230, số vào sổ H01399 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 03/01/2007; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 244 tờ bản đồ số 07, diện tích 693.1m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AI 407193, số vào sổ H01769 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 09/10/2007; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 849 tờ bản đồ số 07, diện tích 196.9m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần

Thơ, theo GCNQSDĐ số AI 407194, sổ vào sổ H01768 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 09/10/2007; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thừa đất số 762 và Thừa 763 tờ bản đồ số 07, diện tích 823m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số V 526834, sổ vào sổ 03542 QSDĐ/... do UBND huyện Ô (nay là huyện T), TP . cấp ngày 02/08/2002; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Nguyệt H đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng, các Khế ước nhận nợ, khoản vay bị quá hạn từ ngày 06/01/2023 cụ thể:

Đến ngày 08/11/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt H đã trả được số tiền lãi trong hạn theo khế ước số LD 2209670013 là 486.623.295 đồng và số tiền lãi trong hạn theo khế ước số LD 2209745761 là 253.931.507 đồng, tổng cộng số tiền bà H đã thanh toán là 740.554.802 đồng.

Dư nợ tạm tính của bà Nguyễn Thị Nguyệt H đến ngày 08/11/2023 tại Ngân hàng theo khế ước của khoản vay và nợ thẻ tín dụng là 16.891.164.685 đồng, bao gồm 15.029.273.034 đồng nợ gốc và 1.861.891.651 đồng nợ lãi (tạm tính đến hết ngày 08/11/2023). Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án quyết các vấn đề sau: buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt H thanh toán cho nguyên đơn các khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 170474.21.455.14086098.TD, số khế ước LD 2209745761 và số khế ước LD 2209670013 tổng số tiền nợ 18.163.292.066 đồng (bao gồm 14.999.999.772 đồng nợ gốc, nợ lãi 118.760.268 đồng, tiền lãi trên gốc quá hạn 3.027.061.600 đồng và tiền lãi chậm trả lãi 17.470426 đồng (tạm tính đến hết ngày 24/6/2024). Nếu bị đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn, các tài sản bảo đảm yêu cầu phát mãi gồm:

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thừa đất số 240 và 245 tờ bản đồ số 07, diện tích 5198m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh

Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số R 297356, số vào sổ 00775 QSDĐ/... do UBND huyện Ô, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện T, TP .) cấp ngày 09/10/2000; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật;

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 241 tờ bản đồ số 07, diện tích 2857m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số R 592713, số vào sổ 03496 QSDĐ/... do UBND huyện Ô, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện T, TP .) cấp ngày 02/02/2001; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật;

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 242 và 755 tờ bản đồ số 07, diện tích 5265m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số W 186861, số vào sổ 00036 QSDĐ/... do UBND huyện Ô, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện T, TP .) cấp ngày 16/10/2002; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật;

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 828 tờ bản đồ số 07, diện tích 408,2m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AD 900798, số vào sổ H01094 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 10/07/2006; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật;

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 779 tờ bản đồ số 07, diện tích 585m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AG 644230, số vào sổ H01399 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 03/01/2007; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật;

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 244 tờ bản đồ số 07, diện tích 693.1m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AI 407193, số vào sổ H01769 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 09/10/2007; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật;

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 849 tờ bản đồ số 07, diện tích 196.9m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AI 407194, số vào sổ H01768 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 09/10/2007; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật;

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 762 và 763 tờ bản đồ số 07, diện tích 823m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số V 526834, số vào sổ 03542 QSDĐ/... do UBND huyện Ô (nay là huyện T), TP . cấp ngày 02/08/2002; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị Nguyệt H đối với MB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Thị Nguyệt H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho MB.

Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ của thẻ tín dụng 455-V000002198 nguyên đơn đồng ý rút lại yêu cầu khởi kiện.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt H và người đại diện hợp pháp thống nhất cùng trình bày:* bà H thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng về việc ký kết hợp đồng cho vay, hợp đồng thế chấp và quá trình thực hiện hợp đồng đã được phía ngân hàng giải ngân số tiền vay 15.000.000.000 đồng. Hiện tổng nợ gốc của bà tại ngân hàng TMCP Q- chi nhánh C theo Hợp đồng cho vay số 170474.21.455.14086098.TD ngày 29/9/2021, văn bản nhận nợ ngày 05/4/2022 và Văn bản nhận nợ ngày 06/4.2022 là 14.999.999.727 đồng.

Bà đồng ý trả toàn bộ khoản nợ nêu trên với Ngân hàng, sau khi bà thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc, đề nghị Ngân hàng giải chấp toàn bộ tài sản đã thế chấp của bà theo Hợp đồng cho vay số 170474.21.455.14086098.TD ngày 29/9/2021. Bà có ý kiến đề nghị Toà án thu thập chứng cứ là yêu cầu Ngân hàng cung cấp toàn bộ hồ sơ vay vốn của bà có chứng thực gồm Hợp đồng thế chấp, Sao kê khoản vay, sao kê tài khoản thanh toán, khế ước nhận nợ, Quy chế cho vay của ngân hàng.

Đối với khoản nợ Thẻ tín dụng, bà đề nghị Ngân hàng cung cấp lại toàn bộ hồ sơ Thẻ tín dụng, quá trình sử dụng Thẻ tín dụng cho bà, bà sẽ có ý kiến đối với yêu cầu trả nợ thẻ tín dụng số tiền 30.000.000 đồng sau. Bị đơn bà H chỉ đồng ý trả nợ gốc cho Ngân hàng, về phần tiền lãi ngân hàng yêu cầu bà chưa đồng ý trả lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

Đại diện nguyên đơn ông Trần Quyết T1 trình bày: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt H thanh toán cho nguyên đơn các khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 170474.21.455.14086098.TD, số khế ước LD 2209745761 và số khế ước LD 2209670013 tổng số tiền nợ 18.163.292.066 đồng (bao gồm 14.999.999.772 đồng nợ gốc, nợ lãi 118.760.268 đồng, tiền lãi trên gốc quá hạn 3.027.061.600 đồng và tiền lãi chậm trả lãi 17.470426 đồng, tạm tính lãi đến hết ngày 25/6/2024.

Đồng thời bà H còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/6/2024 cho đến khi trả hết nợ Ngân hàng. Nếu bị đơn không trả nợ lãi hoặc trả không đủ nợ, đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bị đơn thế chấp cho phía nguyên đơn theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết với ngân hàng.

Nguyên đơn đồng ý rút lại yêu cầu khởi kiện bị đơn thanh toán số tiền còn nợ của thẻ tín dụng 455-V000002198 với tổng nợ hiện tại là 33.694.487 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày, thống nhất và đồng ý trả nợ gốc cho nguyên đơn, đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu, bị đơn không đồng trả căn cứ vào Nghị định của Chính Phủ số 33/2022/NĐ-CP và Thông tư của Ngân hàng N1 số 03/2022/TT-NHNN, về việc có giảm lãi suất trong thời gian diễn ra Dịch bệnh C, nên bà H được hưởng lãi suất ưu đãi 2%/ năm, tuy nhiên phía nguyên đơn không áp dụng cho bà H được hưởng lãi suất ưu đãi, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để chờ công văn trả lời của Ngân hàng N1. Phía bị đơn bà H của đã có đơn đề nghị giảm mức lãi suất gửi đến Ngân hàng thương mại Cổ phần Q Chi nhánh C- phòng G nên phòng G phải có trách nhiệm chuyển đơn đề nghị của bà H đến Ngân hàng Q chi nhánh C để xem xét giải quyết cho bà H. Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh của bà H thể hiện được ngành nghề kinh doanh của bị đơn là mua bán lúa gạo, hàng nông sản, thủy sản nên khi ký kết hợp

đồng vay vốn với ngân hàng thì bà H phải được hưởng mức lãi suất theo ưu đãi của Ngân hàng N1.

Tại Bản án số 85/2024/DSST ngày 26, 27/6/2024 của TAND huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Q.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Q tổng nợ 18.163.292.066 đồng (bao gồm 14.999.999.772 đồng nợ gốc, nợ lãi 118.760.268 đồng, tiền lãi trên gốc quá hạn 3.027.061.600 đồng và tiền lãi chậm trả lãi 17.470426 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời bà Nguyễn Thị Nguyệt H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận của hai bên theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 170474.21.455.14086098TD ký ngày 29/9/2021, kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ và nợ lãi.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Nguyệt H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đủ nợ lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án Dân sự huyện T tiến hành kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay để xử lý thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm gồm:

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 240 và 245 tờ bản đồ số 07, diện tích 5198m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số R 297356, số vào sổ 00775 QSDĐ/... do UBND huyện Ô, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện T, TP .) cấp ngày 09/10/2000; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật;

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 241 tờ bản đồ số 07, diện tích 2857m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số R 592713, số vào sổ 03496 QSDĐ/... do UBND huyện Ô, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện T, TP .) cấp ngày 02/02/2001; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật;

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 242 và 755 tờ bản đồ số 07, diện tích 5265m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số W 186861, số vào sổ 00036 QSDĐ/... do UBND

huyện Ô, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện T, TP .) cấp ngày 16/10/2002; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật;

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thừa đất số 828 tờ bản đồ số 07, diện tích 408,2m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AĐ 900798, số vào sổ H01094 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 10/07/2006; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật;

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thừa đất số 779 tờ bản đồ số 07, diện tích 585m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AG 644230, số vào sổ H01399 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 03/01/2007; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật;

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thừa đất số 244 tờ bản đồ số 07, diện tích 693.1m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AI 407193, số vào sổ H01769 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 09/10/2007; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật;

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thừa đất số 849 tờ bản đồ số 07, diện tích 196.9m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AI 407194, số vào sổ H01768 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 09/10/2007; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật;

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thừa đất số 762 và 763 tờ bản đồ số 07, diện tích 823m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số V 526834, số vào sổ 03542 QSĐĐ/... do UBND huyện Ô (nay là huyện T), TP . cấp ngày 02/08/2002; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho ngân hàng, thì bị đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ của thẻ tín dụng 455-V000002198 với tổng nợ hiện tại là 33.694.487 đồng, nguyên đơn được quyền kiện lại thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo theo qui định.

Ngày 09/7/2024 Bị đơn Nguyễn Thị Nguyệt H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, cho rằng cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ không khách quan, dẫn đến quyết định Bản án gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Bị đơn, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm đối với phần lãi suất ưu đãi cho Bị đơn được hưởng theo qui định tại NĐ 31/2022/NĐ.CP và TT 01/2020/TT.NHNN và TT 03/2020/TT.NHNN năm 2020 được hỗ trợ lãi suất, miễn giảm lãi do dịch Covid 19.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán - chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Trên cơ sở tài liệu chứng cứ và tranh luận các bên cho thấy nhận xét đánh giá của cấp sơ thẩm là phù hợp. Xét kháng cáo của Bị đơn đề nghị được hưởng lãi suất ưu đãi 2%/năm theo khoản 2 Điều 4 của NĐ 31/2022/NĐ.CP và giảm miễn lãi do dịch Covid-19 là không có cơ sở. Nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện Bị đơn bà H có ký Hợp đồng tín dụng số 170474.21.455.14086098.TD; Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng cùng các khế ước nhận nợ và phía ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà H có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét về thời hiệu khởi kiện Bị đơn ký kết số 170474.21.455.14086098.TD; Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng cùng các khế ước nhận nợ và phía ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H số tiền vay theo hợp đồng tín dụng là 15.000.000.000 đồng, trong đó số tiền vay 10.000.000.000 đồng ngày nhận nợ là 05/4/2022, ngày đến hạn là 06/01/2023 và số tiền vay 5.000.000.000 đồng ngày nhận nợ là 06/4/2022, ngày đến hạn là 07/01/2023 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng làm đơn khởi kiện ngày 22 tháng 12 năm 2023 để yêu cầu bị đơn bà H trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm...” Vì vậy khởi kiện của Nguyên đơn còn trong thời hạn luật định.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Hợp đồng tín dụng số 170474.21.455.14086098.TD; Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng, cùng các khế ước nhận nợ Bị đơn đã ký và phía Ngân hàng đã giải ngân cho bà H số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng là 15.000.000.000 đồng, trong đó số tiền vay 10.000.000.000 đồng ngày nhận nợ là 05/4/2022, ngày đến hạn là 06/01/2023 và số tiền vay 5.000.000.000 đồng ngày nhận nợ là 06/4/2022, ngày đến hạn là 07/01/2023. Để đảm bảo cho khoản vay trên Ngân hàng đã ký kết với bà H hợp đồng thế chấp QSD đất số 170474.21.455.14086098.BĐ ký ngày 29/9/2021 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Về hình thức, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, đây là giao dịch hợp pháp nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn (ngân hàng M1) đã giải ngân số tiền cho vay; bị đơn bà H đã nhận đủ số tiền vay 10.000.000.000 đồng theo văn bản nhận

nợ ngày 6/4/2022 và số tiền vay 5.000.000.000 đồng theo văn bản nhận nợ ngày 7/4/2022, phía bị đơn bà H đã trả được nợ gốc là 228 đồng và nợ lãi 740.554.802 đồng, sau đó bị đơn không trả nợ lãi như cam kết, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/6/2024) bị đơn còn tổng nợ 18.163.292.066 đồng (bao gồm 14.999.999.772 đồng nợ gốc, nợ lãi 118.760.268 đồng, tiền lãi trên gốc quá hạn 3.027.061.600 đồng và tiền lãi chậm trả lãi 17.470426 đồng. Nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn là phù hợp.

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và biên bản nhận nợ các bên đã ký cùng lời thừa nhận của bị đơn đồng ý trả nợ gốc cho nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện được một bên đương sự thừa nhận, không phản đối nên không phải chứng minh, mặt khác yêu cầu khởi kiện đòi nợ theo Hợp đồng tín dụng của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét, chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán căn cứ vào văn bản nhận nợ số LD 2209745761 và LD 2209670013 được các bên ký kết thể hiện tại mục 5 Về mức lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 6,8%/năm, phía bị đơn bà H đồng ý theo mức lãi đã thoả thuận nên đã ký kết và đã đóng lãi theo mức thoả thuận này trong một thời gian dài với số lãi 740.554.802 đồng, nay bị đơn không đồng ý trả lãi theo mức đã thoả thuận là không có căn cứ, theo quy định Điều 116 Bộ luật Dân sự quy định về giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự cho nên phía bị đơn khi tham gia ký kết hợp đồng tín dụng với nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện và hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình khi thực hiện giao dịch dân sự nên phải tự chịu trách nhiệm về các giao dịch của mình. Từ những phân tích trên cấp sơ thẩm buộc bị đơn bà H phải thanh toán trả nợ cho phía nguyên đơn số tiền vay gốc, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/6/2024) tổng nợ 18.163.292.066 đồng (bao gồm 14.999.999.772 đồng nợ gốc, nợ lãi 118.760.268 đồng, tiền lãi trên gốc quá hạn 3.027.061.600 đồng và tiền lãi chậm trả lãi 17.470426 đồng, cùng tiền lãi phát sinh từ ngày 27/6/2024 cho đến khi trả hết nợ lãi là có căn cứ.

[3.3] Về hợp đồng thế chấp: Đối với tài sản bảo đảm mà bị đơn dùng thế chấp cho Nguyên đơn, Tòa án có thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ để xem xét, thẩm định tài sản thế chấp tại Biên bản xem xét thẩm định, tại chỗ ngày 16/5/2024, thể hiện QSD đất của các Thửa đất hiện không có biến động về các tài sản đã thế chấp, nên không đặt ra xem xét.

Nếu bị đơn bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ lãi theo hợp đồng vay, nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp QSD đất số 170474.21.455.14086098.BĐ ký ngày 29/9/2021.

[4] Xét lời trình bày của Bị đơn không đồng ý trả phần lãi suất 6,8/năm và chỉ đồng ý trả lại suất 2%/năm, bị đơn căn cứ vào Nghị định của Chính Phủ số 33/2022/NĐ-CP và Thông tư của Ngân hàng N1 số 03/2022/TT-NHNN, về việc có giảm lãi suất trong thời gian diễn ra Dịch bệnh C, nên bà H được hưởng lãi suất ưu đãi 2%/năm. Đồng thời căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh của bà H thể hiện được ngành nghề kinh doanh của bị đơn là mua bán lúa gạo, hàng nông sản, thủy sản nên khi ký kết hợp đồng vay vốn với ngân hàng thì bà H phải được hưởng mức lãi suất theo ưu đãi của Ngân hàng N1. Xét thấy Hợp đồng vay tài sản thể hiện bên vay là cá nhân bà Nguyễn Thị Nguyệt H tham gia ký kết hợp đồng so với chứng cứ bị đơn cung cấp là Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Nguyệt H là hoàn toàn khác nhau về đối tượng vay. Tại mục 2.1.1 của Điều 2 trong hợp đồng cho vay số 170474.21.455.14086098.TD thể hiện “Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định tại văn bản nhận nợ giữa MB và Khách hàng” đối chiếu với văn bản nhận nợ (*bút lục 22, bút lục 23*) mà bị đơn đã ký xác nhận số LD 2209745761 không thể hiện lãi suất cho vay ưu đãi cho bà H và LD 2209670013 thể hiện lãi suất cho vay ưu đãi tại mục 6 phần I. Nội dung giải ngân và nhận nợ là 6.5%/năm. Bị đơn cho rằng được Ngân hàng N1 ưu đãi mức lãi suất 2%/năm theo Nghị định của Chính Phủ số 33/2022/NĐ-CP và Thông tư của Ngân hàng N1 số 03/2022/TT-NHNN, về việc có giảm lãi suất trong thời gian diễn ra Dịch bệnh Covid-19 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình theo quy định tại Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự quy định tại khoản 1. *Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.*

[4.1] Xét chứng cứ bị đơn nộp tại phiên tòa là “Đơn đề nghị về việc giảm mức lãi suất đề ngày 15/2/2023” chứng minh bị đơn có khiếu nại về mức lãi suất áp dụng với bị đơn trong hợp đồng cho vay nhưng không được phía nguyên đơn trả lời, xét thấy Hợp đồng cho vay được thực hiện bởi bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q - Chi nhánh C có địa chỉ tại tầng A, tầng B, tầng 7 toà nhà ngân hàng thương mại cổ phần Q, số G đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ nhưng trong đơn đề nghị tại nơi Kính gửi lại ghi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Chi nhánh C- phòng G là không phù hợp.

[4.2] Xét lời trình bày của người đại diện bị đơn, cho rằng bà H đã gửi đơn đề nghị đúng địa chỉ và phòng G có trách nhiệm chuyển đến nguyên đơn để xem xét khiếu nại của bị đơn, nguyên đơn cũng không thừa nhận có nhận được đơn đề

nghị của bị đơn, đối với biên lai báo phát do bị đơn cung cấp thể hiện dấu Bureau Ô Môn chấp nhận ngày 06/12/2022 là bản photo để trống không thể hiện được địa chỉ người gửi và địa chỉ nơi người nhận là nguyên đơn, không thể hiện được nội dung đã gửi đơn đề nghị đề ngày 15/2/2023 của bị đơn. Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu tạm ngừng phiên toà của đại diện bị đơn để làm rõ những nội dung câu hỏi đặt ra của đại diện bị đơn yêu cầu là không cần thiết, cũng không có cơ sở xem xét chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo của Bị đơn cho rằng Bị đơn là hộ kinh doanh được miễn giảm lãi suất theo NĐ 31/2022/NĐ.CP ngày 20/5/2022, Thông tư 03/2022/TT.NHNN và TT 01/2020/TT.NHNN ngày 13/3/2020. Đề nghị được khấu trừ tiền lãi đã nộp và miễn giảm lãi của hai khế ước nhận nợ, đồng ý trả vốn và lãi là 16.834.924.329 đồng. Xét thấy bà H có đăng ký hộ kinh doanh nhưng khi ký kết Hợp đồng tín dụng giữa hai bên thể hiện Bị đơn ký với tư cách cá nhân, không thể hiện H2 kinh doanh.

Mặt khác, theo Luật doanh nghiệp cũng không có quy định chủ thể Hộ kinh doanh, phía Ngân hàng cho rằng trường hợp Bị đơn nài ra Hộ kinh doanh của bà H không thuộc ngành nghề kinh doanh được hỗ trợ, khoản vay của Bị đơn không đủ điều kiện áp dụng chính sách hỗ trợ lãi suất, Ngân hàng M1 có quyền quyết định trong việc áp dụng chính sách cơ cấu nợ và miễn giảm lãi theo đúng quy định, do khoản vay của bà H ký kết ngày 29/9/2021, không nằm trong khoảng thời gian từ 01/01/2022 đến 31/12/2023 nên không đủ điều kiện được hỗ trợ lãi suất 2% theo quy định, cho nên yêu cầu của Bị đơn khiếu nại theo các văn bản trên là chưa có cơ sở. Vì vậy không có căn cứ để xem xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn.

Tuy nhiên, ghi nhận ý kiến của đại diện Ngân hàng trình bày trong quá trình thi hành án Bị đơn có thiện chí trả vốn thì Ngân hàng sẽ xem xét miễn giảm lãi theo qui định của Ngân hàng.

[6] Do nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ của thẻ tín dụng 455-V000002198 với tổng nợ hiện tại là 33.694.487 đồng, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là phù hợp.

[7] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã chi xong nên bị đơn H có nghĩa vụ hoàn trả lại 4.000.000 đồng cho phía nguyên đơn.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí, tuy nhiên bị đơn bà H là người cao tuổi nên được

miễn án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả lại Ngân hàng tiền tạm ứng án phí.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà H không được chấp nhận, nên phải chịu án phí. Tuy nhiên do là người cao tuổi nên được miễn.

[10] Quan điểm của Viện kiểm sát: Nhận xét và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của Bị đơn Nguyễn Thị Nguyệt H.
- Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Nguyễn Thị Nguyệt H.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Q.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Q tổng nợ 18.163.292.066 đồng (bao gồm 14.999.999.772 đồng nợ gốc, nợ lãi 118.760.268 đồng, tiền lãi trên gốc quá hạn 3.027.061.600 đồng và tiền lãi chậm trả lãi 17.470.426 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời bà Nguyễn Thị Nguyệt H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận của hai bên theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 170474.21.455.14086098TD ký ngày 29/9/2021, kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ và nợ lãi.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Nguyệt H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đủ nợ lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án Dân sự huyện T tiến hành kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay để xử lý thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm gồm:

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với **Thửa đất số 240 và 245** tờ bản đồ số 07, diện tích 5198m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số R 297356, sổ vào sổ 00775 QSDĐ/... do UBND huyện Ô, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện T, TP .) cấp ngày 09/10/2000; cập nhật thừa

kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với **Thửa đất số 241** tờ bản đồ số 07, diện tích 2857m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số R 592713, số vào sổ 03496 QSDĐ/... do UBND huyện Ô, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện T, TP .) cấp ngày 02/02/2001; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với **Thửa đất số 242 và 755** tờ bản đồ số 07, diện tích 5265m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số W 186861, số vào sổ 00036 QSDĐ/... do UBND huyện Ô, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện T, TP .) cấp ngày 16/10/2002; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với **Thửa đất số 828** tờ bản đồ số 07, diện tích 408,2m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AD 900798, số vào sổ H01094 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 10/07/2006; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với **Thửa đất số 779** tờ bản đồ số 07, diện tích 585m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AG 644230, số vào sổ H01399 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 03/01/2007; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với **Thửa đất số 244** tờ bản đồ số 07, diện tích 693.1m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AI 407193, số vào sổ H01769 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 09/10/2007; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với **Thửa đất số 849** tờ bản đồ số 07, diện tích 196.9m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số AI 407194, số vào sổ H01768 do UBND huyện C (nay là huyện T), TP . cấp ngày 09/10/2007; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

- QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với **Thửa đất số 762 và 763** tờ bản đồ số 07, diện tích 823m², tại ấp T, xã T, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ, theo GCNQSDĐ số V 526834, số vào sổ 03542 QSDĐ/... do UBND huyện Ô (nay là huyện T), TP . cấp ngày 02/08/2002; cập nhật thừa kế ngày 12/04/2018) cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4905 ngày 29/09/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Pháp luật.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho ngân hàng, thì bị đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ của thẻ tín dụng 455-V000002198 với tổng nợ hiện tại là 33.694.487 đồng, nguyên đơn được quyền kiện lại thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà H có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà phía nguyên đơn đã chi.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do là người cao tuổi nên bà H được miễn án phí. Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần M1 số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 62.445.000 đồng, theo biên lai thu số 0007591 ngày 19/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do là người cao tuổi nên bà H được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 30/12/2024.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND H. Thới Lai;
- CC THADS H. Thới Lai;
- Lưu HS.

Phan Thị Hồng Dung